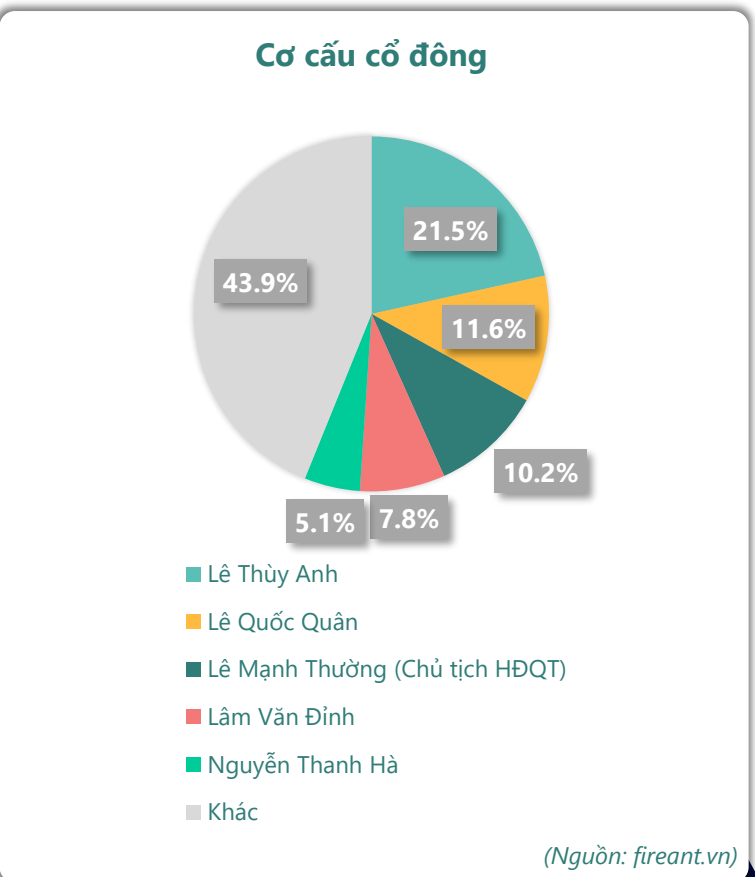
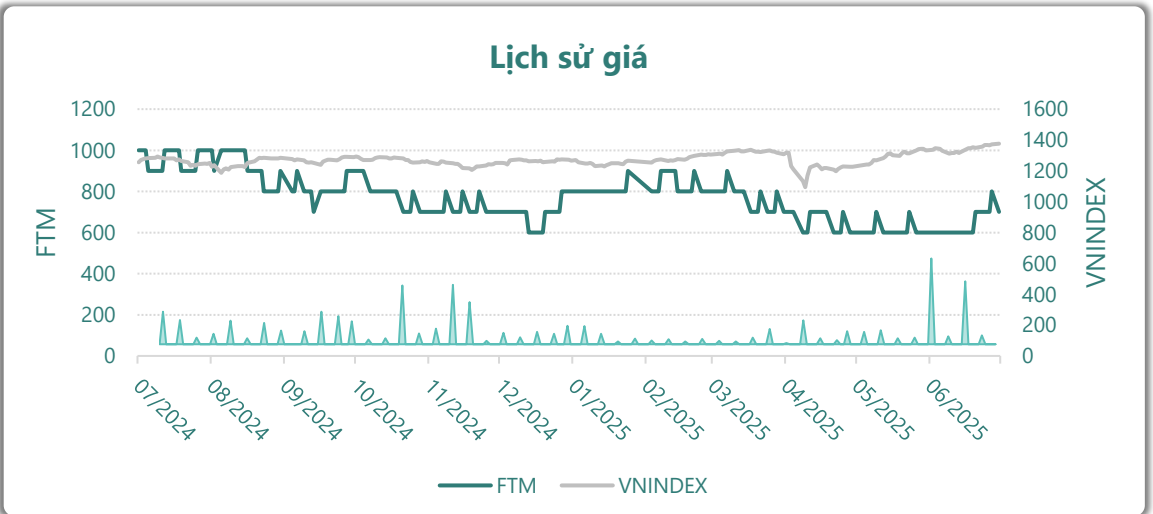
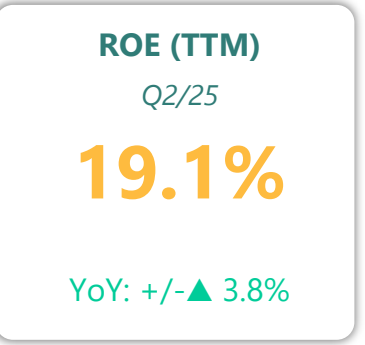
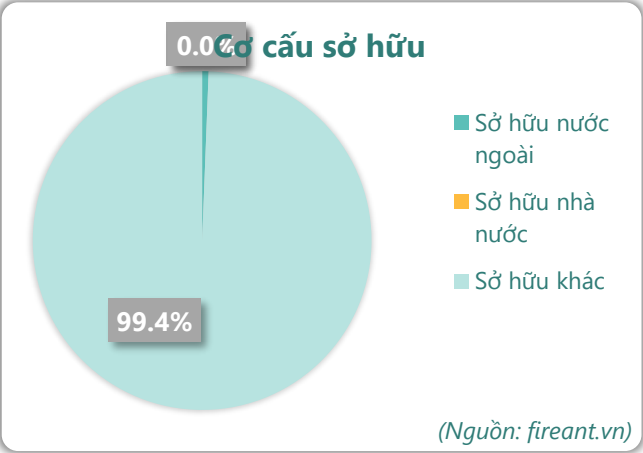


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

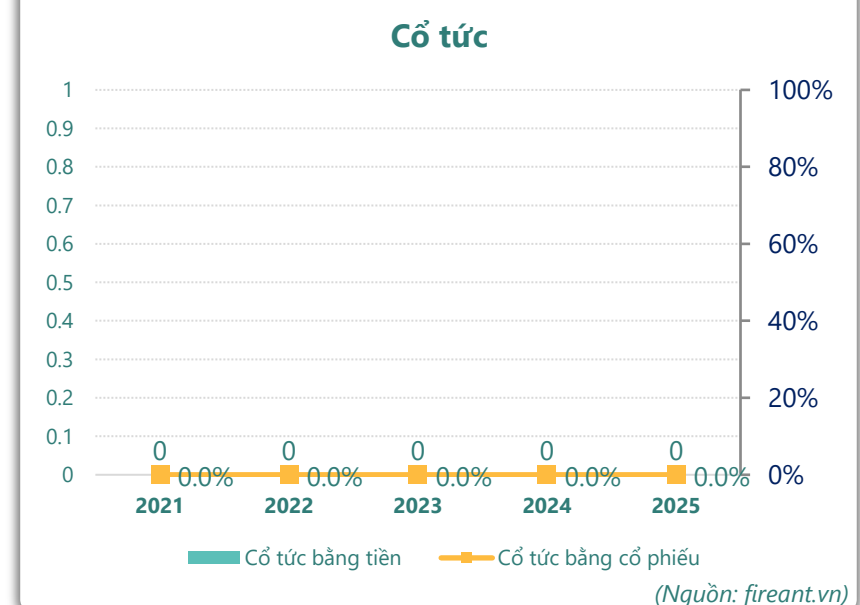
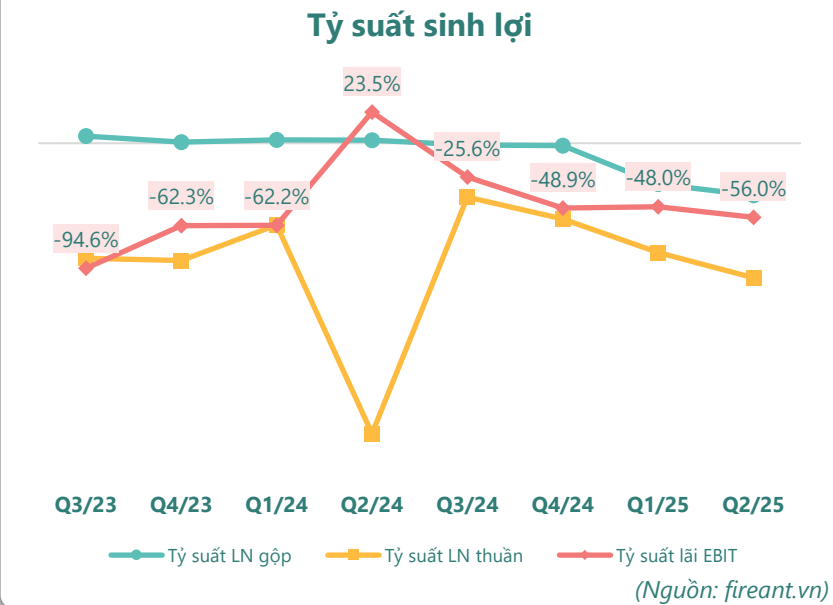
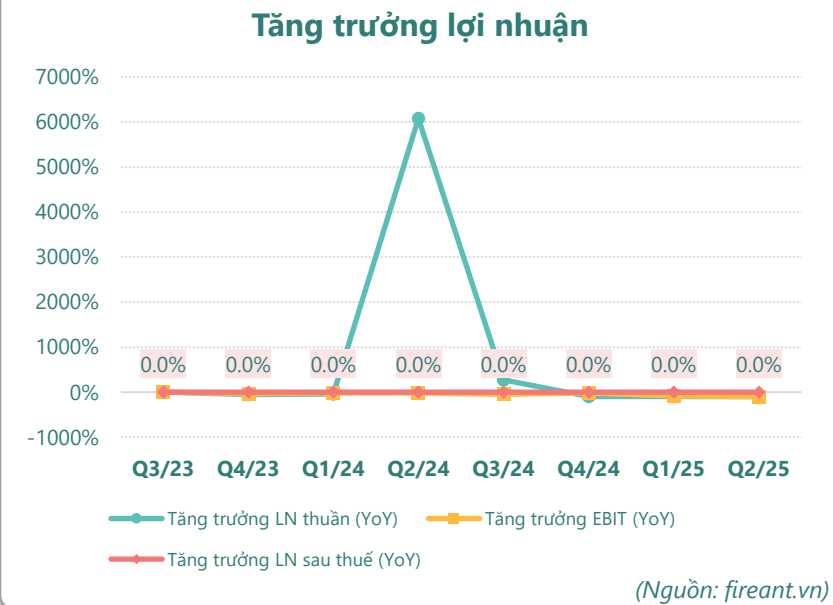
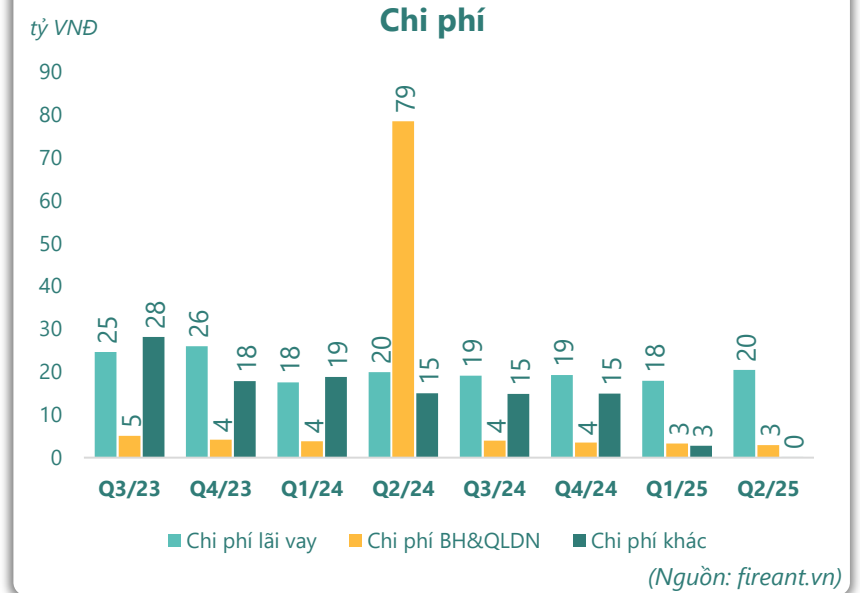
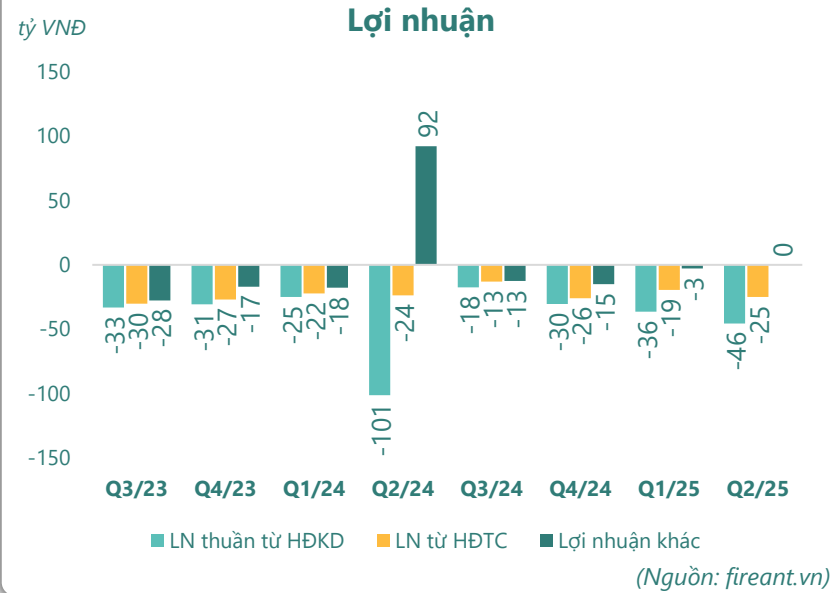
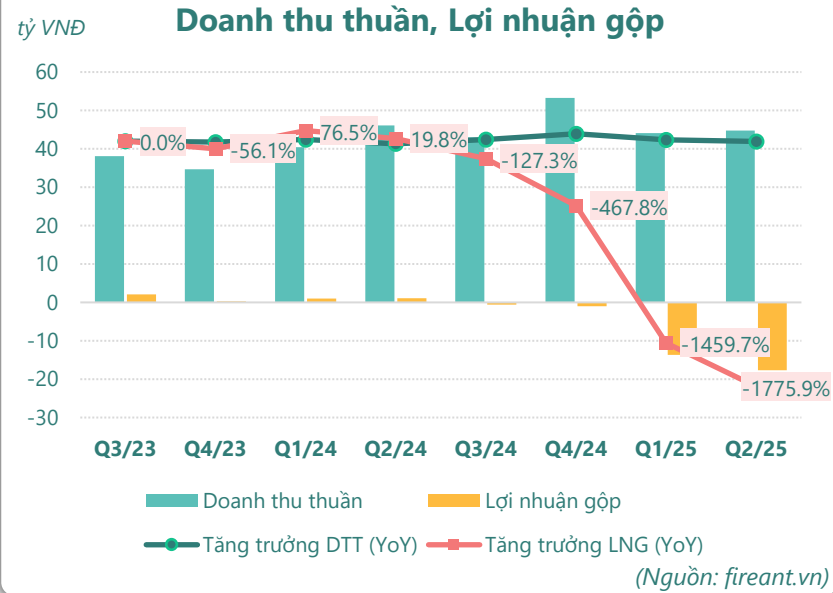
CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Ngày 30/06/2025	700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	16.7%	0%	0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	600 - 1,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	62,270
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.46
EPS	-3,204
P/E	-0.2



KẾT QUẢ KINH DOANH

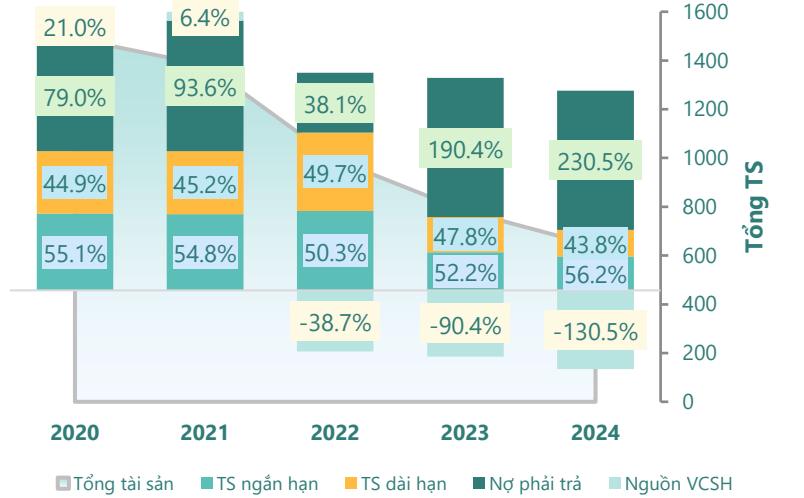


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

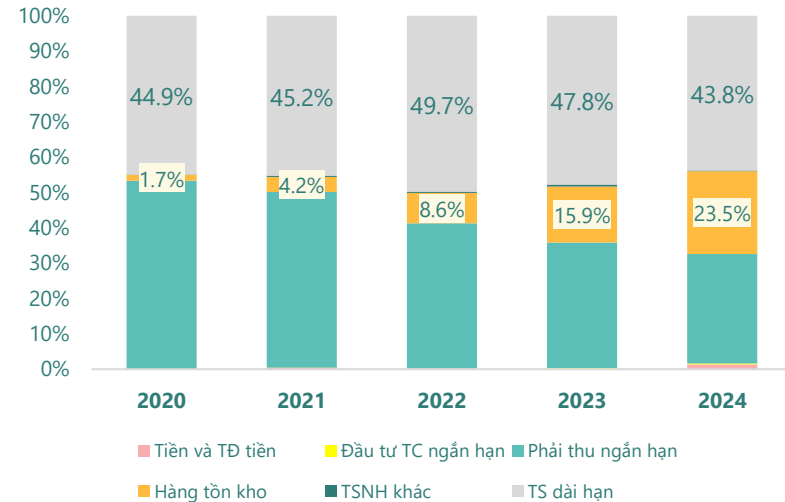
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

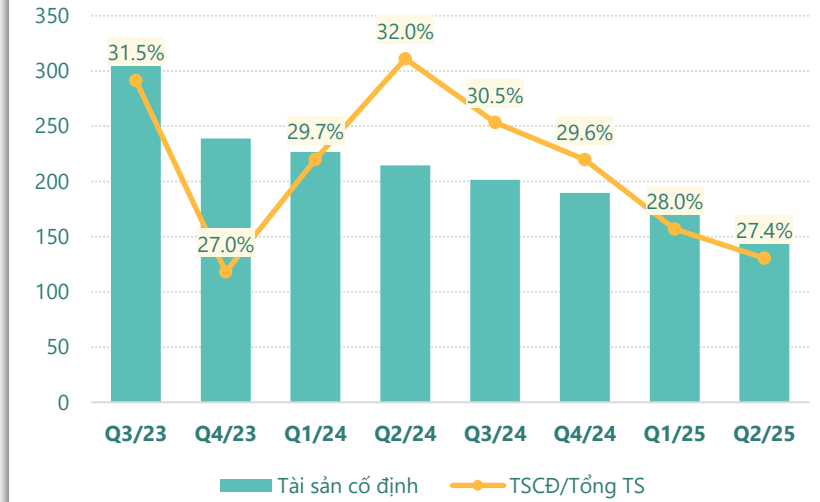
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

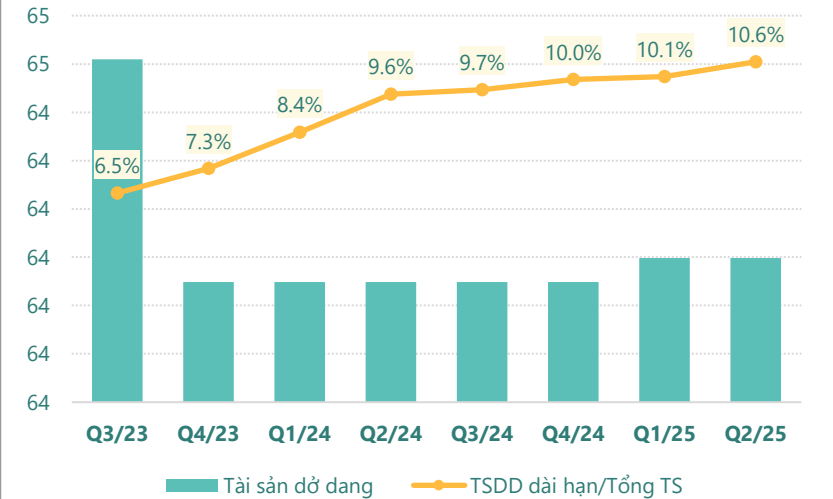
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

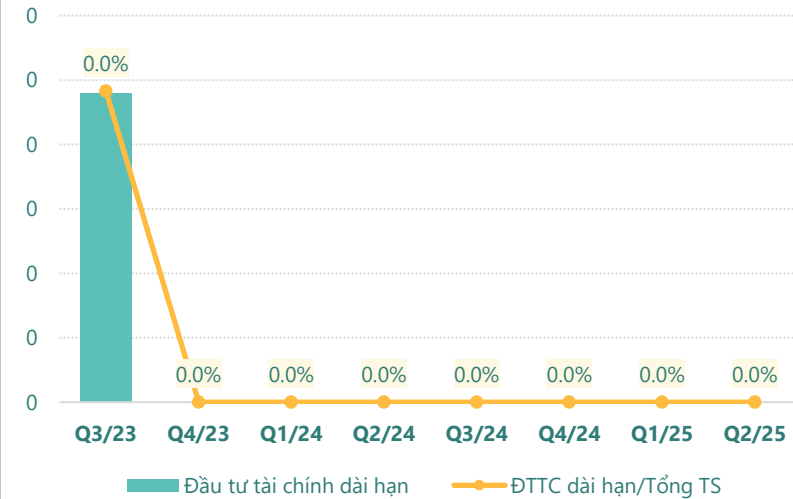
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

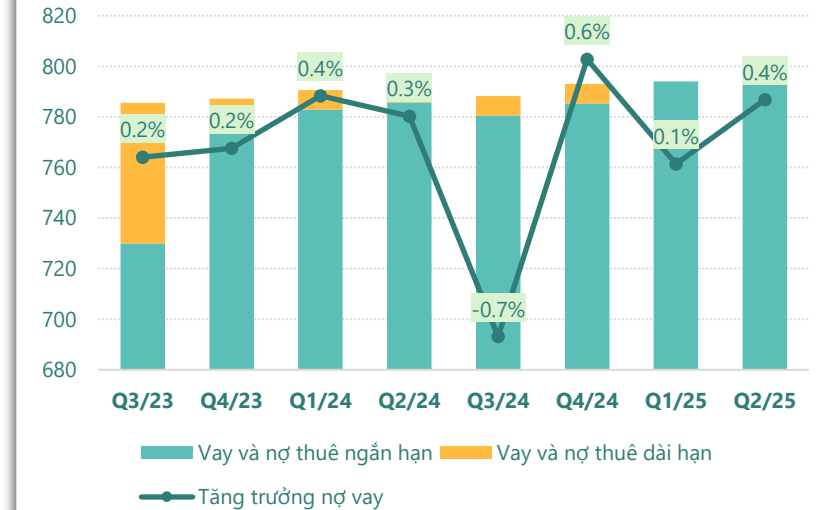
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

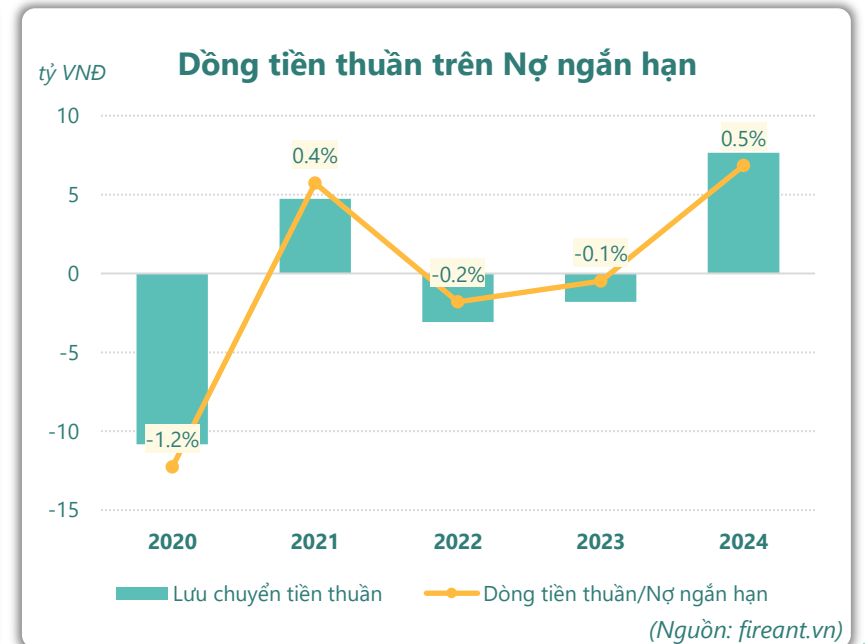
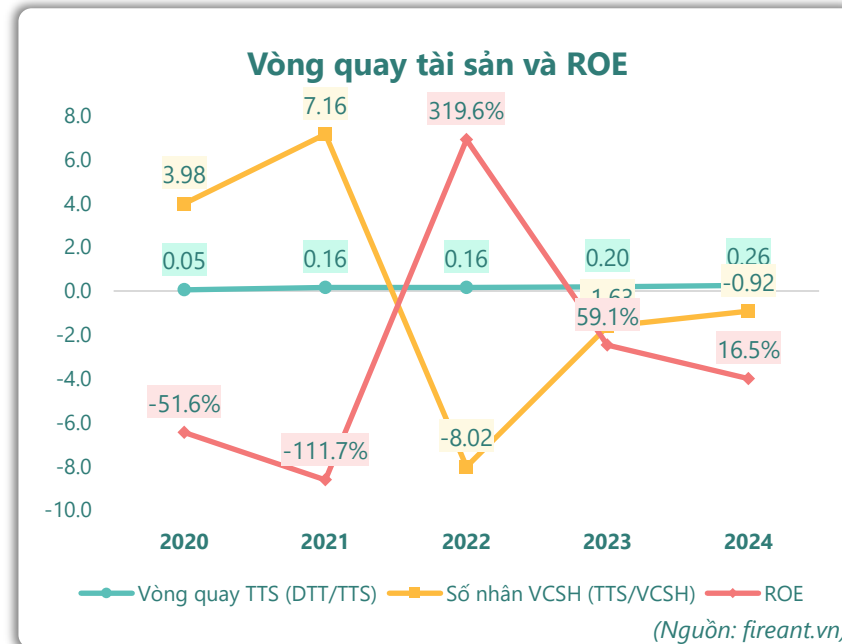
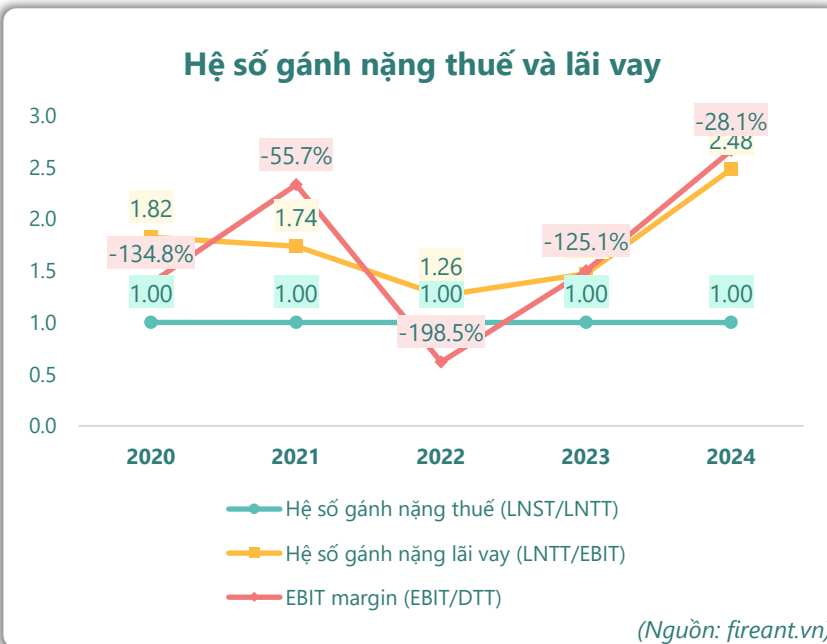
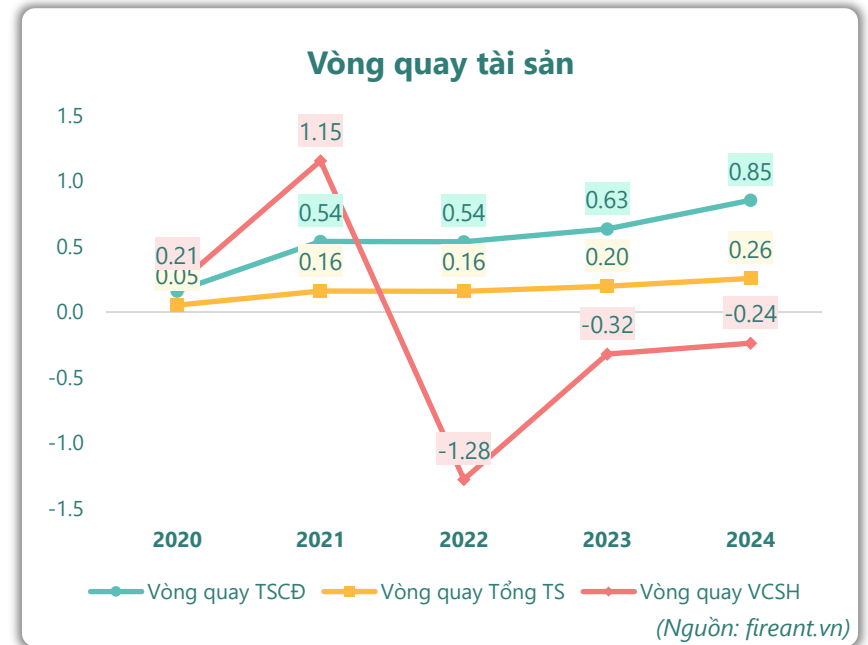
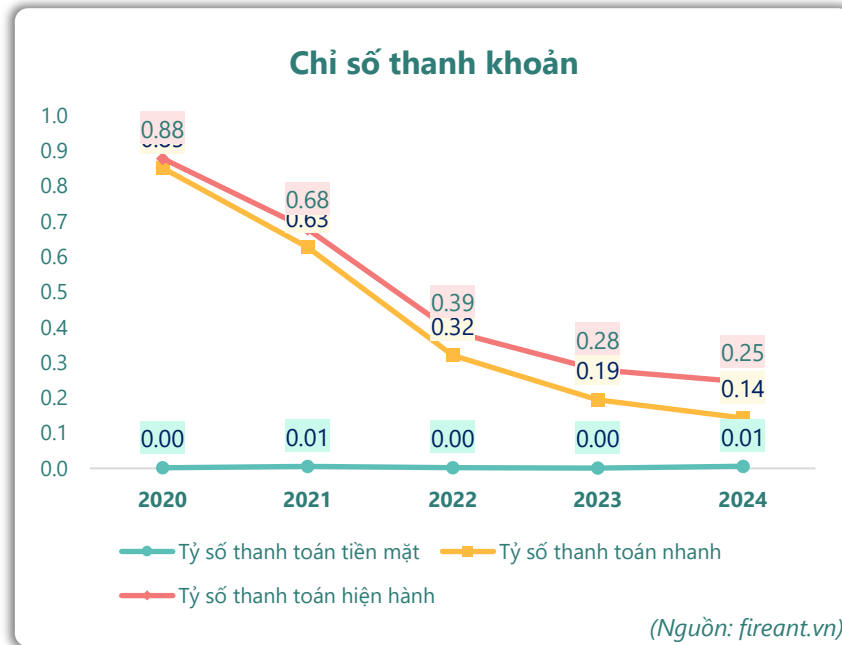
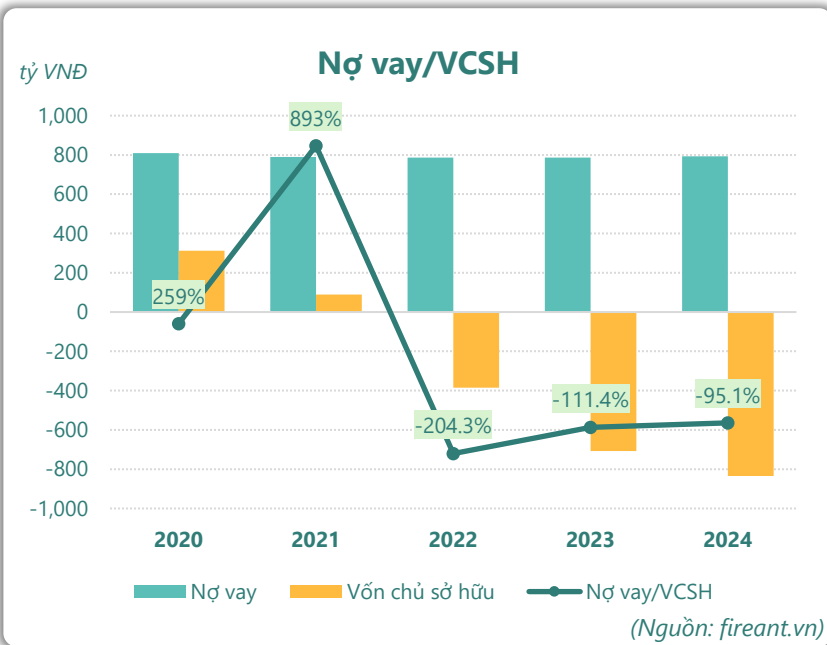
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	44.7	46.1	-3.0%	88.8	86.5	2.7%
Giá vốn hàng bán	62.4	45.1	38.3%	120	84.5	42.2%
Lợi nhuận gộp	-17.6	1.05	-1779%	-31.3	2.05	-1622%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.16	-8.7%	0.22	0.23	-3.9%
Chi phí TC	25.1	24.0	4.7%	44.7	46.2	-3.3%
Chi phí lãi vay	20.5	20.0	2.4%	38.4	37.5	2.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.11	0.51	-77.6%	0.40	0.75	-46.4%
Chi phí QLDN	2.80	78.0	-96.4%	5.83	81.6	-92.9%
LN thuần từ HĐKD	-45.5	-101	54.9%	-82.0	-126	35.1%
Lợi nhuận khác	0.00	92.2	-100.0%	-2.70	74.5	-104%
LN trước thuế	-45.5	-9.11	-400%	-84.7	-51.8	-63.4%
Lợi nhuận sau thuế	-45.5	-9.11	-400%	-84.7	-51.8	-63.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-45.5	-9.11	-400%	-84.7	-51.8	-63.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.9	-14.7	-1.64	-6.67	-5.50	-15.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.9	15.0	10.7	6.47	0.95	7.99
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.15	-0.50	-0.45	-0.45	-0.15	4.53
Tiền đầu kỳ	1.09	0.98	0.79	9.39	8.73	4.03
Lưu chuyển tiền thuần	-0.10	-0.19	8.60	-0.65	-4.70	-3.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.98	0.79	9.39	8.73	4.03	0.86

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	607	639	-5.1%
Tài sản ngắn hạn	359	359	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	0.86	8.73	-90.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	196	198	-1.0%
Hàng tồn kho	160	150	6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.65	0.95	-31.3%
Tài sản dài hạn	248	280	-11.5%
Phải thu dài hạn	15.3	24.2	-36.7%
Tài sản cố định	166	190	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	64.1	64.0	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.37	2.26	4.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,525	1,474	3.5%
Nợ ngắn hạn	1,525	1,466	4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	797	785	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.2	49.0	4.4%
Nợ dài hạn	0	7.70	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.70	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-919	-834	-10.1%
Vốn chủ sở hữu	-919	-834	-10.1%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

